

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
NHỰA VIỆT THÀNH**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

(Số: 01/BC-VTZ)

Tháng 03 năm 2022

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH**

Tên tiếng Anh: **VIET THANH PLASTIC TRADING AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **VIET THANH PLASTIC.JSC**

Mã cổ phiếu: **VTZ**

Logo:



Giấy CN ĐKDN: **Số 0310710930 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 11 ngày 24/08/2021 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp.**

Vốn điều lệ: **200.000.000.000 đồng**

Vốn đầu tư CSH: **200.000.000.000 đồng**

Trụ sở chính: **107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tà 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.**

Địa chỉ văn phòng: **Số 27 Đường 59, Phường 10, Quận 6, Tp Hồ Chí Minh.**

Số điện thoại: **(0272) 3777 460** Số fax: **(028) 3535 0460**

Email: **info@vithacoplastic.com**

Website: **<https://vithacoplastic.com/>**

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành được thành lập vào tháng 03/2011 với mức vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các

mặt hàng nhựa gia dụng như tủ, bàn, ghế, sọt, rổ... Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tin tưởng và bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền.

Quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

Giai đoạn	Quá trình hình thành và phát triển
2011 – 2015	<p>Tháng 03/2011: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành được thành lập với mức vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng.</p> <p>Năm 2012 – 2015: Song song với quá trình mở rộng sản xuất, Công ty đẩy mạnh xây dựng hệ thống phân phối tại Miền Nam (năm 2012), Miền Trung (năm 2013), Bắc Trung Bộ (năm 2015). Trong năm 2014, Công ty thành lập chi nhánh Miền Trung.</p>
2016 – 2020	<p>Năm 2016: Công ty mở rộng hệ thống phân phối hàng qua cửa khẩu Cambodia.</p> <p>Năm 2017: Thành lập chi nhánh TP.HCM.</p> <p>Năm 2018: Công ty triển khai xây dựng kho chứa hàng quy mô mới tại Bình Tân, TP.HCM.</p> <p>Năm 2019: Công ty triển khai xây dựng nhà máy công suất lớn tại Long An và mở rộng mạng lưới phục vụ thị trường trong và ngoài nước.</p> <p>Trong giai đoạn này, Công ty vinh dự đón nhận liên tiếp các danh hiệu cao quý như: Hàng Việt Nam chất lượng cao 5 năm liền từ 2016 đến 2020, Top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2018.</p>
2021 - nay	<p>Ngày 25 tháng 11 năm 2021, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VTZ.</p>

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (trừ tái chế phế thải nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở) Bán buôn kim loại và quặng kim loại	2013 (Chính)
2.	Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và phi kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, lá, dải, dạng hình (trừ mua bán vàng miếng và phế thải, phế liệu kim loại).	4662
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa.)	4669

Stt	Tên ngành	Mã ngành
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Hàn bàn, ghế, tủ sắt)	2592

Địa bàn kinh doanh:

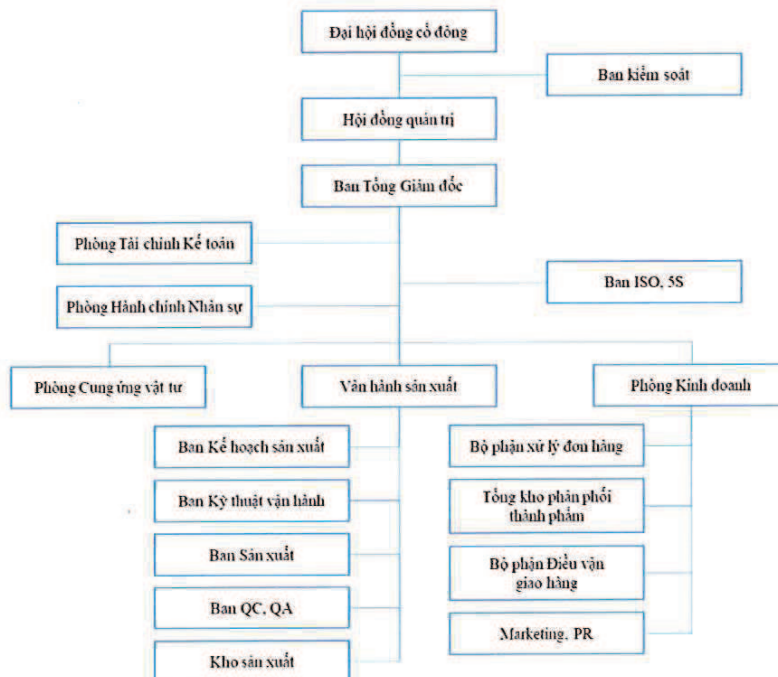
Với chiến lược xây dựng hệ thống phân phối của riêng Công ty nhằm tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành, Công ty hiện sở hữu hệ thống 38 nhà phân phối cấp I, 200 đại lý phân phối cấp II, đưa các dòng sản phẩm của Công ty hiện diện tại các tỉnh từ Miền Trung tới Miền Tây Nam Bộ của Việt Nam.

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Sơ đồ tổ chức của Công ty:



Bộ máy quản lý của Công ty:



Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Định hướng phát triển

Việt Nam hiện đang có nhiều lợi thế đón làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc. Chính phủ đang khuyến khích đầu tư mới và mở rộng khu công nghiệp, chuẩn bị hạ tầng phục vụ cho nhu cầu mở nhà máy của các doanh nghiệp FDI. Ngành nhựa là một trong các ngành phụ trợ không thể thiếu trong các khu công nghiệp. Công ty lựa chọn đầu tư nhựa Pallet vì Pallet là sản phẩm cần thiết của nhiều ngành khác, nhu cầu lớn và có nhiều khả năng phát triển, mở rộng. Ngoài ra, mở rộng khu công nghiệp đồng thời chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt ngày càng nhiều, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái và môi trường sống. Do đó, nhu cầu sử dụng thùng rác để thu gom, phân loại và tái chế là vô cùng lớn.

Theo đó, trong Quý III/2021, Công ty đã chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng nhằm huy động vốn thực hiện giai đoạn 1 của “Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và Thùng rác công nghiệp”. Đây chuyên mở rộng để thực hiện Dự án đặt tại nhà máy hiện tại. Công suất thiết kế của dây chuyền mới là 6.700 tấn/năm, dự kiến đầu năm 2022 sẽ đi vào hoạt động. Thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty là các khu công nghiệp phía Nam. Với dự án mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới, năng lực sản xuất của nhà máy được tăng lên tương ứng 80 – 85% công suất thiết kế. Dự kiến năng lực sản xuất của nhà máy Công ty trong năm 2022 và 2023 lần lượt đạt sản lượng 18.257 tấn và 23.690 tấn, tăng lần lượt 35,4% và 75,7% so với năng lực sản xuất hiện tại của Công ty là 13.484 tấn sản phẩm.

Ngoài ra, Công ty dự định đầu tư thêm kho chứa tại khu vực Long An, chuyển một phần kho thành phẩm hiện đang được để tại nhà máy sang kho mới.

Các rủi ro

Về kinh tế

Năm 2021 là năm đầu triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 nhưng là một năm có rất nhiều khó khăn, thách thức trong công tác điều hành của Chính phủ, đặc biệt là trong bối cảnh Chính phủ mới được thành lập, cũng là lúc đợt dịch COVID-19 lần thứ tư bùng phát với mức độ nghiêm trọng và khó dự đoán hơn rất nhiều so với trước, với sự xuất hiện của biến thể Delta. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,58%. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2021 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2021 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Việc đẩy nhanh tiến độ bao phủ vaccine, từ chỗ chỉ có dưới 0,5% dân số được tiêm chủng vào cuối tháng 4/2021, đến nay đã có khoảng hơn 80% dân số được tiêm (khoảng 100% dân số trên 18 tuổi) đã giúp Việt Nam là một trong 3 nước có tốc độ tiêm nhanh nhất thế giới tính theo số liệu tiêm ngày và tuần, góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam dần khôi phục và đi vào hoạt động trong trạng thái bình thường mới. Việt

Nam là quốc gia có dân số trẻ, với độ tuổi trong nhóm 15 - 54 tuổi chiếm hơn 60%, trong đó nhóm độ tuổi này được đánh giá là có nhu cầu cao nhất về các loại nước giải khát. Kết hợp điều kiện khí hậu nóng ẩm, văn hóa ăn uống đa dạng với sự phát triển nhanh của dịch vụ ăn uống ngoài hàng đã đẩy nhu cầu về nước giải khát không còn tăng nhanh chóng qua các năm.

Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020. CPI bình quân năm 2021 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước (làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm), giá gas tăng 25,89% (làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm); (ii) Giá gạo tăng 5,79% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội; (iii) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm); (iv) Giá dịch vụ giáo dục tăng 1,87% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Để đạt được kết quả trên trong khi đất nước đang hết sức khó khăn bởi tác động của dịch Covid-19 là nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện những giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường. Tuy nhiên, bước sang năm 2022, áp lực lạm phát được đánh giá là rất lớn. Nếu dịch Covid-19 được kiểm soát trong năm 2022, nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng lên; lạm phát sẽ chịu tác động của vấn đề tăng giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới như xăng dầu, than và giá cước vận chuyển. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao, tạo áp lực cho lạm phát.

Số lượng tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc nhiều vào thu nhập của người dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người cũng như giá cả một số mặt hàng đều có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Công ty luôn có sự theo dõi những chuyển biến của nền kinh tế từ đó đề ra quyết định kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này cũng như có kế hoạch mở rộng phát triển khi điều kiện thuận lợi.

Về tỷ giá

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), trong năm 2021, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đồng USD do NHNN công bố tăng 0,1%, trong khi tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm khoảng 1,6% so với đầu năm. Trên thị trường tự do, tỷ giá của đồng Việt Nam so với đồng USD tăng 0,5% do chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới tiếp tục mở rộng.

Yếu tố tác động lên tỷ giá trong năm nay chủ yếu đến từ thị trường quốc tế, trong đó hai yếu tố chính là tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 cùng với

việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn giữ chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích nền kinh tế bị ảnh hưởng từ đại dịch khiến đồng USD chỉ tăng nhẹ 0,1% so với đầu năm.

Bên cạnh đó, để giảm bớt khó khăn, từ đó có điều kiện phục hồi nhanh nền kinh tế do tác động của dịch Covid-19, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, NHNN đã liên tiếp điều chỉnh giảm các mức lãi suất, qua đó các tổ chức tín dụng có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh.

Về Pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Hệ thống Pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, bên cạnh đó, với tư cách là một Doanh nghiệp niêm yết hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung Pháp lý của Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để thích ứng hơn với những đổi mới này.

Bên cạnh khung Pháp lý chung trong nước, các hiệp định thương mại và thuế quan của Việt Nam với quốc tế cũng chi phối các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bất kỳ sự thay đổi nào của các quy định trên cũng có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc luôn cập nhật, tuân thủ các quy định mới nhất về Pháp luật nhằm đảm bảo tính hiệu quả, kịp thời trong quản trị cũng như trong sản xuất kinh doanh.

Về cạnh tranh thị trường nước ngoài

Biến động cung cầu, áp lực cạnh tranh về nguồn cung và giá bán đến từ các nước và Doanh nghiệp cùng ngành, sự thay đổi các chính sách nhập khẩu, các rào cản thuế quan và phi thuế quan gia tăng, nhất là yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu. Bên cạnh đó, những nước tham gia các Hiệp định tự do thương mại (FTA) với Việt Nam sẽ đặt ra nhiều hơn nữa các rào cản kỹ thuật trong thời gian tới, sẽ phần nào ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của Công ty, do các nước tháo bỏ hàng rào thuế quan và xây dựng nhiều hàng rào phi thuế quan nhằm bảo vệ quyền lợi của các mặt hàng trong nước. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng hiện tại Công ty vẫn có một vị thế hàng đầu khi dòng sản phẩm của Công ty luôn đa dạng và có chất lượng cao so với các sản phẩm khác. Công ty vẫn luôn cố gắng xây dựng thương hiệu của mình tốt nhất từ chất lượng đến mẫu mã sản phẩm để có thể trở thành bạn đồng hành của người tiêu dùng, bạn của mọi gia đình.

Về cạnh tranh thị trường trong nước

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều thương hiệu sản phẩm liên quan đến nhựa gia dụng, đa dạng về chủng loại, hình thức cũng như chất lượng và giá cả. Nhiều sản phẩm có kiểu dáng và mẫu mã gần hoặc rất giống với các sản phẩm nhựa gia dụng của Công ty. Tình trạng hàng giả,

hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ tràn lan với giá rẻ đã ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh chung. Những nhân tố trên tạo ra các tác động xấu đến uy tín cũng như kết quả kinh doanh của toàn ngành nói chung và Công ty nói riêng. Cụ thể:

Môi trường cạnh tranh: Việc đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng luôn là mục tiêu của các Doanh nghiệp, đặc biệt là trong lúc thị trường phát triển, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khách hàng luôn có nhiều sự chọn lựa giữa các thương hiệu khác nhau. Xác định điểm khác biệt của Nhựa Việt Thành đến từ hệ thống phân phối do Công ty tự xây dựng, Công ty luôn nhanh chóng nắm bắt nhu cầu, đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng cả về chất lượng lẫn giá cả sản phẩm. Từ đó, Công ty có thể nhanh chóng đưa ra các cải tiến về sản phẩm, ý tưởng về sản phẩm mới nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cũng như đưa ra các chính sách bán hàng hợp lý với từng loại sản phẩm.

Cạnh tranh về giá sản phẩm: Chiến lược cạnh tranh về giá của đối thủ sẽ làm ảnh hưởng đến Công ty, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nhựa có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm dồi dào. Vì vậy, việc đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm để nâng cao kiến thức tiêu dùng và tăng cường nhận diện thương hiệu đối với khách hàng luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty.

Định vị hình thức sản phẩm: Hàng giả, hàng nhái gây nhiều ảnh hưởng xấu cho xã hội và thiệt hại cho người tiêu dùng cũng như các doanh nghiệp hoạt động chính thống. Tình trạng hàng hoá chất lượng thấp làm giả nhãn mác, thương hiệu với hình thức bắt mắt, mẫu mã đẹp phần nào làm ảnh hưởng đến uy tín và gây thiệt hại cho Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng.

Về nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là nhựa PPE, nhựa PE, nhựa PET, nhựa HIPS, nhựa PS, nhựa LD. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất, Công ty luôn thực hiện lựa chọn cạnh tranh để tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất. Nguồn nguyên vật liệu của Công ty trong những năm qua tương đối ổn định và được nhập từ các đối tác uy tín trong và ngoài nước.

Xu hướng chung của thế giới là dịch chuyển sang các sản phẩm nhựa tái chế thân thiện với môi trường và nhựa tự hủy. Mục tiêu tổng quát của Công ty là phát triển sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hoá về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao. Cụ thể là trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ nguyên vật liệu nhựa tái chế (gồm nhựa PP, nhựa PS, nhựa LD, nhựa PET) tiêu thụ trên tổng lượng tiêu thụ nguyên vật liệu của Công ty đạt xấp xỉ lần lượt 67% và 85%. Trong thời gian tới, Công ty có kế

hoạch tiếp tục nâng cao tỷ trọng tiêu thụ nguyên vật liệu nhựa tái chế, giảm tỷ trọng tiêu thụ nguyên vật liệu nhựa không thể tái chế.

Chi phí nguyên vật liệu nhìn chung luôn chiếm phần lớn trong tổng chi phí sản xuất của Công ty, vì vậy mọi biến động giá cả nguyên vật liệu, đặc biệt là giá hạt nhựa nhập khẩu, đều có ảnh hưởng đến Công ty. Công ty luôn giám sát, đề ra các phương án ứng phó sự cố tốt nhất để không làm gián đoạn đến hoạt động sản xuất; đồng thời cũng luôn chú trọng công tác nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, đưa đến tay người tiêu dùng ngày càng nhiều hơn nữa các dòng sản phẩm đa dạng, phong phú, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Khác

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như mưa bão, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, dịch bệnh... Với tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay, các hiện tượng thiên tai, dịch bệnh xảy ra nhiều, bất thường và có sức công phá ngày càng mạnh hơn, gây ra thiệt hại rất lớn đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, người lao động để hạn chế bớt các rủi ro này.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm của Công ty

I. Ly/Ca Nhật/Hũ

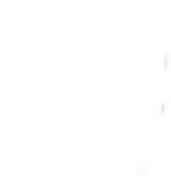
Sản phẩm Ly



Ly kim cương



Ly cốc kiếng



Ly cầu kiếng



Ly cầu màu

Sản phẩm Ca Nhật



Ca Nhật trong



Ca Nhật màu

Sản phẩm Hũ



Hũ vuông



Hũ ốt



Hũ tròn



Hũ bát giác

II. Bàn/Ghế

Sản phẩm Bàn



Bàn đan mây
chân inox



Bàn đan mây
chân trụ sắt



Bàn đan mây
chân nhựa



Bàn chữ nhật

Sản phẩm Ghế



Ghế lùn



Ghế bành



Ghế dựa



Ghế cao

III. Tủ nhựa



Tủ VITA - LA



Tủ VITA - L



Tủ VITA - M

IV. Súng



Súng mực



Súng cá cơm



Súng quai sắt



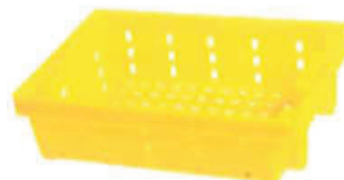
Súng trái cây



Sóng hờ



Sóng bít



Sóng cá

V. Đồ gia dụng



Cần xé



Rổ gạo



Rổ cái



Rổ vuông



Ghế



Thau sâu



Thau kiểu



Ky cán



Ky Thái



Giỏ xách



Giỏ vuông



Kệ



Sọt quai



Sọt cao



Xô



Thùng

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	% +/-
Tổng doanh thu	526.121	1.088.361	106,87%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.

Năm 2021, tình hình dịch Covid 19 diễn biến phức tạp trong cả nước, đặc biệt cuối tháng 6 dịch Covid 19 bùng phát tại khu vực Miền Nam nói chung và tỉnh Long An nói riêng đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Với những thách thức, khó khăn, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng chống dịch vừa ổn định sản xuất kinh doanh, đề ra nhiều chính sách và giải pháp linh hoạt, nhanh chóng để đảm bảo hoạt động kinh doanh được hiệu quả, tiếp tục phát triển và tối ưu hoá kênh phân phối của Công ty nhằm nỗ lực phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao như sau:

- Sản lượng tiêu thụ năm 2021: 25.412 tấn, đạt 186,5% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2021: 1.088 tỷ đồng, đạt 135,2% kế hoạch năm.
- Mức thu nhập bình quân năm 2021: 12 triệu đồng/người/tháng.

Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi phí hoạt động	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	460.228	87,48%	1.004.557	92,30%
Chi phí bán hàng	19.175	3,64%	16.257	1,49%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.875	1,31%	11.552	1,06%
Chi phí tài chính	23.205	4,41%	29.085	2,67%
Tổng chi phí hoạt động	509.483	96,84%	1.061.451	97,53%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất nhựa gia dụng, phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu là hạt nhựa nhập khẩu nên giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ lệ lớn nhất trên doanh thu với tỷ lệ khoảng 90%. Giá hàng hoá, vận chuyển chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 khiến tỷ trọng chi phí giá vốn năm 2021 gia tăng, chiếm 92,30% doanh thu so với mức 87,48% cùng kỳ năm trước.

Chi phí tài chính, chủ yếu là chi phí lãi vay, chiếm tỷ lệ khoảng 2 – 4% tổng doanh thu hằng năm do Công ty vẫn đang tích cực huy động đồng vốn vay để mua sắm tài sản, nâng cao năng lực sản xuất nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Chi phí tài chính trong năm 2021 giảm tỷ trọng chỉ chiếm 2,67% tổng doanh thu so với mức 4,41% của năm 2020 nhờ vào các chính sách ưu đãi, miễn giảm lãi vay được Nhà nước và các tổ chức tín dụng áp dụng trong năm để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước ứng phó giữa tình hình khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Chi phí bán hàng giảm mạnh tỷ trọng chỉ còn chiếm 1,49% trên doanh thu thuần so với mức 3,64% của năm 2020, chủ yếu do kênh phân phối bán hàng trực tiếp của Công ty đã hoạt động ổn định và được tinh giản hiệu quả hơn so với cùng kỳ năm trước. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm tỷ trọng còn 1,06% doanh thu so với mức 1,31% cùng kỳ năm trước do Công ty đã thực hiện tốt mục tiêu tiết giảm chi phí để dự phòng rủi ro trong trường hợp dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2021	TH 2021	%TH/KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	805	1.088	135,2%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	67	22	32,84%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	200	200	100%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%	10	10%	100%

Nguồn: Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.

Năm 2021, cả nước nói chung và tỉnh Long An nói riêng đều chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19. Tuy nhiên, tình hình phòng chống dịch bệnh tại tỉnh Long An trong giai đoạn bình thường mới lại đạt kết quả khá quan. Từ ngày 15 tháng 10 năm 2021, Long An trở thành tỉnh đầu tiên ở Đồng bằng Sông Cửu Long đưa Nghị quyết 128 về “Thích ứng an toàn với dịch Covid-19” vào cuộc sống. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 đã phục hồi mạnh mẽ, đạt 135,2% kế hoạch doanh thu năm 2021. Tuy nhiên, diễn biến dịch bệnh khiến giá nguyên vật liệu đầu vào, giá chi phí tăng cao khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 32,8% kế hoạch đề ra.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ tên	Chức vụ	SLCP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Phan Văn Quân	Tổng Giám đốc	3.700.000	18,50%
2	Ông Nguyễn Trung Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,05%
3	Ông Hồ Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,05%
4	Bà Nguyễn Thị Yến Nga	Kế toán trưởng	0	0%

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

✦ Ông Phan Văn Quân - Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tổng số cổ phần sở hữu: 3.700.000 cổ phần, chiếm 18,50% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 3.700.000 cổ phần, chiếm 18,50% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: Không có

✦ Ông Nguyễn Trung Ngọc - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo

Tổng số cổ phần sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: Không có

✚ Ông Hồ Văn Quyền - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hoá
Tổng số cổ phần sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu: Không có

✚ Bà Nguyễn Thị Yên Nga - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1987
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Tổng số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu: Không có
Đại diện sở hữu: Không có

Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

Không có.

Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 397 nhân viên đang làm việc, tăng 1,2% số lượng nhân viên so với số lượng đầu năm.



Các chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo: Xác định chất lượng nhân sự là yếu tố sống còn của doanh nghiệp nên công tác đào tạo được Công ty đặc biệt chú trọng. Công ty đã tổ chức nhiều lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ, kỹ sư hiện trường, đào tạo thường xuyên cho lực lượng quản lý an toàn và vận hành thiết bị, tổ chức đánh giá chất lượng nhân sự trong toàn hệ thống. Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài, đảm bảo cân đối giữa trực tiếp và gián tiếp.

Đối với CBCNV hiện có, Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ kết hợp gửi đi đào tạo các lớp cấp tốc, ưu tiên lĩnh vực tài chính và thị trường. Đối với CBCNV tuyển dụng mới, khối gián tiếp tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển; trực tiếp chú trọng tuyển công nhân kỹ thuật có hiểu biết về cơ khí, đã qua đào tạo và tiến hành đào tạo nội bộ. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để các lao động có thể nắm bắt cách vận hành và điều khiển các loại máy móc phục vụ công việc.

Chính sách lương thưởng: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Mức lương bình quân của Công ty tăng dần đều qua các năm, mức lương tối thiểu sẽ được thay đổi theo quy định của Nhà nước hoặc/và tình hình phát triển kinh doanh thực tế.

Định kỳ hằng năm, Công ty sẽ đánh giá năng lực CBCNV dựa vào bảng kế hoạch công việc cá nhân đã thiết lập đầu năm và/hoặc có điều chỉnh (nếu có) trong năm được quản lý phê duyệt. Đây là cơ sở để Công ty xem xét điều chỉnh và tăng lương, tạo thêm động lực cho từng nhân viên. Mức lương bình quân trong năm 2021 là 12.000.000 đồng/người/tháng.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách thưởng theo kết quả đánh giá công việc và đánh giá cá nhân vào cuối năm; mức thưởng sẽ dựa theo quy chế thưởng hằng năm do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Mặt khác, để khuyến khích nhân viên luôn có sự sáng tạo và đầu tư trong công việc, Công ty luôn có những chính sách khen thưởng cho những nhân viên có đóng góp sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, mang lại hiệu quả công việc hoặc lợi ích cho Công ty.

Chính sách phúc lợi: Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên làm việc. Chính sách phúc lợi được xây dựng rất chi tiết và thường xuyên được Ban lãnh đạo Công ty nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho Nhân viên, qua đó góp phần tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách phúc lợi của Công ty có thể kể đến như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn 24/24, các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng, trợ cấp những dịp đặc biệt trong năm....

Với nhận thức đầy đủ về quyền của người lao động và người sử dụng lao động, Công ty đã xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa và tiến bộ trong Doanh nghiệp, đảm bảo toàn thể CBCNV có việc làm ổn định, thu nhập được nâng cao, an tâm công tác, gắn bó cùng xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

Chính sách bảo hộ lao động: Mọi CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khoẻ định kỳ hằng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp. CBCNV Công ty được tham gia đủ 03 loại bảo hiểm gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Toà nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước nhằm ứng phó các tình huống khẩn cấp kịp thời.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư trong năm 2021

Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư thêm máy móc trang thiết bị và xây dựng một số các hạng mục mới phục vụ sản xuất kinh doanh như: đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất cho Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và Thùng rác công nghiệp, bao gồm: 3 máy ép CLF từ 950 đến 4.000 tấn, 4 khuôn ép Pallet, 5 khuôn ép thùng rác.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% +/-
Tổng giá trị tài sản	492.756	885.973	79,76%
Doanh thu thuần	526.121	1.088.361	106,87%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.650	28.265	69,76%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% +/-
Lợi nhuận trước thuế	16.378	27.897	70,33%
Lợi nhuận sau thuế	13.141	22.224	69,12%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,07	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,30	0,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,77	0,73
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,29	2,47
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,05	3,12
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,07	1,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,02	0,02
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	0,11	0,09
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận thuần HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,03	0,03

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của Công ty.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành:	20.000.000
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Trong đó:	
- SL cổ phần chuyển nhượng tự do:	11.069.100 cổ phần
- SL cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	8.930.900 cổ phần

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2021

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	844	19.975.500	99,88%
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	844	19.975.500	99,88%
2	Cổ đông nước ngoài	7	24.500	0,12%
	- Tổ chức	3	6.100	0,03%
	- Cá nhân	4	18.400	0,09%
	Tổng cộng	851	20.000.000	100%

Trong đó, danh sách các cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số giấy CMND/CCCD	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Tuấn	082073000450	5.100.900	25,5%
2	Phan Văn Quân	025123890	3.700.000	18,5%
@	Tổng cộng		8.800.900	44,0%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021, Ban Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan đến tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần đại chúng quy mô lớn.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tìm kiếm đối tác, khách hàng mới, thực hiện phương thức sản xuất kinh doanh thích ứng với bối cảnh dịch bệnh, đầu tư các thiết bị phụ trợ nhằm nâng cao năng lực sản xuất, phân đấu vượt chỉ tiêu doanh thu, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, đảm bảo công việc ổn định cho người lao động.

Trong năm 2021, Công ty đã phát hành 5.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và chào bán thành công 5.000.000 cổ phần ra công chúng nhằm mục đích huy động vốn cho Giai đoạn I của Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và Thùng rác công nghiệp đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 phê duyệt. Song song với việc triển khai hiệu quả dự án theo đúng mục đích sử dụng vốn đã đề ra, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đưa cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% TH/KH
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.484	25.142	186,5%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	805	1.088	135,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	67	22	32,84%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	200	200	100%
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%	10	15	150%

Nguồn: Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021
I	Tài sản ngắn hạn	359.121	693.368
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.703	11.978
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	73.350
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	89.899	215.730
-	Hàng tồn kho	259.240	383.808
-	Tài sản ngắn hạn khác	6.279	8.502
II	Tài sản dài hạn	133.635	192.605
-	Các khoản phải thu dài hạn	8.574	11.599
-	Tài sản cố định	121.323	147.099
-	Tài sản dở dang	0	0
-	Đầu tư tài chính dài hạn	0	30.000
-	Tài sản dài hạn khác	3.738	3.907
@	TỔNG TÀI SẢN	492.756	885.973

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021
I	Nợ phải trả	377.970	643.769
I	Nợ ngắn hạn	336.240	599.388
-	Phải trả người bán ngắn hạn	73.197	157.713

Stt	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021
-	Người mua trả tiền trước	296	144
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.018	5.714
-	Phải trả người lao động	2.702	2.960
-	Phải trả ngắn hạn khác	2.724	3.154
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	254.303	429.703
2	Nợ dài hạn	41.730	44.381
-	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	3.128	2.257
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38.602	42.124
II	Vốn chủ sở hữu	114.786	242.204
-	Vốn góp chủ sở hữu	100.000	200.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	0	5.193
-	Quỹ đầu tư phát triển	0	0
-	Lợi nhuận chưa phân phối	14.786	37.011
@	TỔNG NGUỒN VỐN	492.756	885.973

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021 của Công ty.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	% KH2022/ TH2021
Doanh thu	Tỷ đồng	1.088	1.557	143,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22	51	231,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,02	3,28	162,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	200	430	215%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,0	11,8	107%

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	% KH2022/ TH2021
Vốn chủ sở hữu				
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15	10	66.67%



Cơ sở thực hiện kế hoạch

Về nâng cao năng lực sản xuất nhà máy

Với dự án mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển sản phẩm mới, năng lực sản xuất của nhà máy được tăng lên tương ứng 80% - 85% công suất thiết kế. Cụ thể, dự kiến năng lực sản xuất trong năm 2022 và 2023 lần lượt đạt sản lượng 31.736 tấn và 33.941 tấn, tăng lần lượt 26,2% và 35% so với năng lực sản xuất hiện tại của Công ty là 25.412 tấn sản phẩm.

Về giải pháp khai thác thị trường

Tổ chức tốt công tác theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường và tình hình tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu phân tích thị trường để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo sát những biến động của thị trường.

Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, lựa chọn các khách hàng có năng lực để tránh rủi ro công nợ, tranh chấp giữa các bên.

Tiếp tục giữ vững mối quan hệ tốt và duy trì các dịch vụ đại lý hiện nay. Tăng cường mở rộng quan hệ, tìm kiếm các tổ chức uy tín để tham gia mạng lưới đại lý và các dịch vụ phụ trợ khác (nếu có).

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho các CBCNV, đặc biệt là những vị trí chủ chốt. Phần đầu nâng cao năng suất lao động dựa trên cơ sở tốc độ tăng trưởng của Công ty sẽ cao hơn mức tăng trưởng nhân sự.

Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý chất lượng ISO, đánh giá hiệu quả công việc KPIs phù hợp với quy mô, mô hình hoạt động của Công ty. Tích cực áp dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả công việc, giảm thiểu rủi ro.

Tích cực, chủ động nghiên cứu các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm của Công ty, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Về công tác tài chính

Tiếp tục lành mạnh hoá hoạt động tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu, giảm thiểu tối đa các khoản chi phí không hợp lý, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Thực hiện tốt và triệt để công tác thu hồi công nợ, tránh để phát sinh công nợ khó đòi. Ưu tiên nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt chức năng giám sát tài chính.

Theo kế hoạch của Ban Lãnh đạo Công ty đề ra, nhằm mục đích chủ động nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tránh phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay, Ban Lãnh đạo Công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng.

Về tổ chức, chăm lo đời sống người lao động

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV của Công ty, nhằm động viên, khuyến khích người lao động hăng say công tác, thực hiện tốt các chế độ, chính sách người lao động.

Tiếp tục thực hiện song song công tác duy trì văn hoá Công ty song song với việc nâng cao năng suất lao động.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2021

Trong năm 2021, công tác kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, chịu tác động của đại dịch Covid-19 kéo theo thời giãn giãn cách xã hội kéo dài nhiều tháng. Trước tình hình đó, Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành, được sự đồng ý thông qua của Đại hội đồng cổ đông đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất, doanh thu phù hợp với thực tiễn. Công ty đã luôn nỗ lực giữ vững ổn định thị phần, phối hợp với các chi nhánh, thị trường trên toàn quốc duy trì nguồn khách hàng truyền thống cũng như mở rộng tệp khách hàng, động viên khuyến khích hệ thống kinh doanh vượt khó, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao.

Bên cạnh những thành công đạt được, Công ty CP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành vẫn tiếp tục nêu cao tinh thần tương thân tương ái, chăm lo đời sống của CBCNV bằng các hành động cụ thể, thiết thực nhất. Cụ thể:

Đối với người lao động:

Công ty thực hiện Thỏa ước lao động tập thể nghiêm túc và đúng quy định.

Các chế độ đãi ngộ làm việc được Ban Tổng Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt: 100% CBCNV được tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CBCNV từ ngày đầu tiên làm việc. Trợ cấp tiền thưởng vào những dịp lễ tết, phụ cấp khác vào những dịp đặc biệt trong năm;...

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp và kéo dài từ đầu năm 2020, Công ty đã phổ biến hướng dẫn CBCNV sử dụng phần mềm PC-Covid và thẻ Covid, bố trí việc làm cho CBCNV có thẻ xanh, thẻ vàng. Thực hiện test nhanh tầm soát Covid theo tần suất 3 ngày/lần. Từ tháng 6/2021, Công ty chủ động đăng ký tiêm ngừa Covid cho toàn thể CBCNV. Tính đến thời điểm hiện nay Công ty đã tiêm mũi 3 tăng cường cho toàn thể CBCNV Công ty.

Từ giữa tháng 10/2021, thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid 19”, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được đẩy mạnh, doanh số tăng cao so với các tháng thực hiện giãn cách xã hội.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Với những chỉ tiêu kế hoạch sản lượng và doanh thu được giao năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã đưa vào kế hoạch năm, quý, tháng và nỗ lực thực hiện theo định kỳ. Kết quả đạt được:



- Sản lượng tiêu thụ năm 2021: 25.412 tấn, đạt 186,5% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2021: 1.088 tỷ đồng, đạt 135,2% kế hoạch năm.
- Mức thu nhập bình quân năm 2021: 12 triệu đồng/người/tháng.

Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2021

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nghiêm túc.

Tình hình tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty

Năm 2021, Ban Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan đến tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn.

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng, đảm bảo công việc ổn định cho 397 lao động.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2021

Về tổ chức sản xuất

Chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc tiếp tục điều hành quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 – 2000 và hoàn thiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2015, đảm bảo chất lượng của sản phẩm nhựa gia dụng Việt Thành, ổn định, giữ vững uy tín thương hiệu.

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc giám sát tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, phát huy sức mạnh đoàn kết phối hợp giữa các phòng/bộ phận nhằm đem lại hiệu quả cao.

Chú trọng công tác nghiên cứu sản phẩm mới, cải tiến máy móc thiết bị, thay đổi công nghệ hợp lý và thật hiệu quả, khuyến khích phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ kỹ thuật nhằm nâng cao công suất và ổn định sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát đảm bảo hệ thống vận hành an toàn, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tham mưu các giải pháp sử dụng năng lực hiệu quả nhằm tiết kiệm nguyên nhiên liệu trong hoạt động sản xuất.

Nâng cao chất lượng quản trị con người, tập trung vào việc hỗ trợ và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng các sản phẩm nhựa gia dụng Việt Thành luôn được ổn định và ngày càng được nâng cao.

Về hoạt động kinh doanh

Công ty đã chú trọng đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV. Công nhân được tập huấn nghiệp vụ tại chỗ và qua các chương trình đào tạo của Công ty. Toàn thể CBCNV trong Công ty đều tin tưởng, đồng sức, đồng lòng cùng Ban Lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất – kinh doanh đề ra từ đầu năm.

Khai thác tốt khách hàng truyền thống, xúc tiến các khách hàng tiềm năng, chăm sóc tốt khách hàng là các đại lý, nhà bán lẻ. Tăng cường giám sát chặt chẽ thị trường. Xúc tiến mở rộng kênh phân phối, bán hàng tại thị trường trong nước và quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu sản phẩm. Chú trọng truyền thông quảng bá thương hiệu nhựa gia dụng Việt Thành.

Chủ động kế hoạch cung ứng hàng hóa cho các khu vực thị trường kịp thời, đầy đủ theo nhu cầu và đặc thù của từng thị trường.

Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược kinh doanh sản phẩm theo mục tiêu phát triển của thị trường. Chú trọng khả năng cạnh tranh của các đối thủ, kịp thời đề xuất các biện pháp tăng cường khả năng cạnh tranh nhằm tăng trưởng thị phần tiêu thụ ở các thị trường trọng điểm.

Nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã sản phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu sang Campuchia, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và tính cạnh tranh của sản phẩm.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Stt	Hội đồng Quản trị	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	5.100.900 cổ phần	25,5%
2	Ông Phan Văn Quân	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.700.000 cổ phần	18,5%
3	Ông Phan Hùng Cường	Thành viên HĐQT	20.000 cổ phần	0,1%
4	Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên HĐQT	20.000 cổ phần	0,1%
5	Ông Hoàng Đỗ Nguyên Thắng	Thành viên HĐQT	20.000 cổ phần	0,1%

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, bất thường và ban hành các Nghị quyết để quyết định các nội dung quan trọng về các lĩnh vực kế hoạch hoạt động kinh doanh tổ chức nhân sự, tài chính,... đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/VTN/NQ-HĐQT/2021	15/01/2021	Thông qua báo cáo về kế quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và định hướng năm 2021
2	02/VTN/NQ-HĐQT/2021	01/03/2021	Triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bất thường
3	03/VTN/NQ-HĐQT/2021	10/04/2021	Triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
4	04/VTN/NQ-HĐQT/2021	07/05/2021	Thông qua việc triển khai và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, các cam kết của Công ty và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
5	05/VTN/NQ-HĐQT/2021	15/05/2021	Thông qua đơn vị kiểm toán độc lập

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	06/VTN/NQ-HĐQT/2021	29/07/2021	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty
7	07/VTN/NQ-HĐQT/2021	15/09/2021	Thông qua cam kết điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Ngoài ra, tại các phiên họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đều xem xét, thảo luận và quyết định việc triển khai các nội dung kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa học, tập huấn theo quy định về quản trị công ty.

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát (BKS)

Stt	Ban Kiểm soát	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Trọng Huy	Trưởng BKS	20.000 cổ phần	0,10%
2	Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS	10.000 cổ phần	0,05%
3	Ông Phạm Đức Cường	Thành viên BKS	20.000 cổ phần	0,10%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong công tác điều tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chắc năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát thường xuyên góp ý cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động quản trị điều hành Công ty tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và họp Công ty. Trong các báo cáo về nghiệp vụ chuyên môn, Ban Kiểm soát đã có các góp ý tích cực cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành quản trị Công ty được tốt hơn.

Các giao dịch, tiền lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 15/04/2021, tiền lương, thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

Stt	Đối tượng	Tiền lương, thù lao bình quân (đồng/người/tháng)	Tổng tiền lương, thù lao 1 năm (đồng)
Tiền thù lao HĐQT, BKS chuyên trách			
1	Chủ tịch HĐQT (1 người)	5.000.000	60.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (1 người)	2.500.000	30.000.000
3	TV.HĐQT (1 người)	2.500.000	30.000.000
4	Thành viên BKS (1 người)	1.666.666	20.000.000
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách			
1	TV.HĐQT (2 người)	0	0
2	Trưởng Ban Kiểm soát (1 người)	0	0
3	Thành viên BKS (1 người)	0	0
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
1	Tổng Giám Đốc (1 người)	27.500.000	330.000.000
2	Phó Tổng Giám Đốc (2 người)	18.143.891	435.453.400
3	Những người quản lý khác (3 người)	18.471.933	664.989.600
TỔNG CỘNG			1.570.443.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty sẽ tiếp tục theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật về quản trị công ty để tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán BCTC năm tài chính 2021

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán (Đính kèm)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
NHỰA VIỆT THÀNH

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 – 31

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Khái quát

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310710930, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Trụ sở chính của Công ty tại 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Phan Văn Quân	Thành viên	
Ông Khâu Văn Thịnh	Thành viên	Đến ngày 15/04/2021
Ông Phan Hùng Cường	Thành viên	Từ ngày 15/04/2021
Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên	Từ ngày 15/04/2021
Ông Hoàng Đỗ Nguyên Thắng	Thành viên	Từ ngày 15/04/2021

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Văn Quân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 15/04/2021
Ông Hồ Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 15/04/2021

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Huy	Trưởng Ban Kiểm soát	Từ ngày 15/04/2021
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên	Từ ngày 15/04/2021
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên	Từ ngày 15/04/2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Văn Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Số 39-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**


Phó Giám đốc




























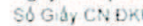
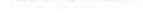




Kiểm toán viên






























CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		693.367.838.732	359.121.199.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.977.414.612	3.702.896.027
1. Tiền	111		11.027.414.612	3.702.896.027
2. Các khoản tương đương tiền	112		950.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		73.350.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	73.350.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.730.311.365	89.699.165.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	121.057.959.261	86.085.198.571
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	93.344.235.797	550.517.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.328.116.307	3.263.459.204
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	383.808.043.335	259.239.782.593
1. Hàng tồn kho	141		383.808.043.335	259.239.782.593
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.502.069.420	6.279.335.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.083.332.956	2.158.017.637
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.418.736.464	4.123.318.169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192.604.952.890	133.635.187.640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.598.767.774	8.573.932.669
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	11.598.767.774	8.573.932.669
II. Tài sản cố định	220		147.099.186.103	121.323.108.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	55.797.838.967	49.002.255.971
- Nguyên giá	222		105.446.076.405	83.963.053.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.648.237.438)	(34.960.797.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	60.243.119.288	40.591.728.416
- Nguyên giá	225		77.100.182.130	52.156.985.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.857.062.842)	(11.565.237.433)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	31.058.227.848	31.729.113.924
- Nguyên giá	228		32.400.000.000	32.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.341.772.152)	(670.886.076)
III. Đầu tư tài chính dài hạn			30.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		V.2	30.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.906.999.013	3.738.146.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.906.999.013	3.738.146.660
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		885.972.791.622	492.756.387.499

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		643.769.162.199	377.969.798.944
I. Nợ ngắn hạn	310		599.368.132.714	336.239.943.825
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	157.713.330.528	73.197.306.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		144.000.000	295.771.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.713.418.452	3.018.213.803
4. Phải trả người lao động	314		2.960.154.290	2.701.799.789
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.154.249.238	2.724.256.852
6. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.15	429.702.980.206	254.302.595.734
II. Nợ dài hạn	330		44.381.029.485	41.729.855.119
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	V.14	2.257.183.694	3.127.698.866
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.15	42.123.845.791	38.602.156.253
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		242.203.629.423	114.786.588.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	242.203.629.423	114.786.588.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.193.058.895	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.010.570.528	14.786.588.555
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.786.588.555	1.645.507.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.223.981.973	13.141.081.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		885.972.791.622	492.756.387.499

Người lập biểu

Lương Thanh Hoàng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Yến Nga



Phan Văn Quân

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.088.361.010.089	526.120.551.052
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.088.361.010.089	526.120.551.052
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.004.557.212.313	460.227.702.624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.803.797.776	65.892.848.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.355.241.132	12.095.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.084.990.188	23.204.811.286
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.883.300.639	23.118.615.036
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.257.035.877	19.174.990.452
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.552.431.656	6.875.456.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.264.580.187	16.649.686.049
11. Thu nhập khác	31	VI.6	138.257.592	281.627.391
12. Chi phí khác	32	VI.7	505.250.535	593.436.671
13. Lợi nhuận khác	40		(367.992.944)	(271.809.280)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.896.587.243	16.377.876.769
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	5.672.605.270	3.236.795.240
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.223.981.973	13.141.081.529
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.390	1.890

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Tổng Giám đốc

Lương Thanh Hoàng

Nguyễn Thị Yến Nga

Phan Văn Quân

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.896.587.243	16.377.876.769
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	24.043.715.991	16.469.115.190
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.473.498.687)	(283.188.977)
- Chi phí lãi vay	06	28.883.300.839	23.118.615.036
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.350.105.386	55.682.418.018
- (Tặng)/giảm các khoản phải thu	09	(126.386.846.828)	(12.149.146.311)
- (Tặng)/giảm hàng tồn kho	10	(124.568.260.742)	(68.910.628.864)
- Tặng/(giảm) các khoản phải trả	11	155.120.156.205	26.145.876.738
- (Tặng)/giảm chi phí trả trước	12	(96.167.672)	638.000.851
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.883.300.839)	(23.118.615.036)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.915.472.230)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48.379.786.720)	(21.712.094.604)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(97.087.343.077)	(42.974.962.696)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	10.833.878.812	11.375.250.048
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(103.350.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	27.124.826	4.098.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(189.576.339.440)	(31.595.614.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	105.193.058.895	39.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	918.324.313.437	559.261.925.206
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(754.854.443.802)	(527.705.671.689)
4. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	(22.432.283.785)	(17.080.798.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	246.230.644.745	53.475.454.738
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.274.518.585	167.745.554
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.702.896.027	3.535.150.473
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.977.414.612	3.702.896.027

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lương Thanh Hoàng

Nguyễn Thị Yến Nga

Phan Văn Quán

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310710930, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24 tháng 8 năm 2021 do Số Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc năm lập báo cáo tài chính, Công ty không có đơn vị trực thuộc

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư 200) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản. Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả. Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất (có thời hạn)	39 – 40 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tung loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã kỳ được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chấp hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu vận phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng ...)



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận, và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

18. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

CÔNG TY NHỰA VIỆT THÀNH

C.T.C.P. N

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.310.214.275	3.402.591.089
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.717.200.337	240.304.938
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	950.000.000	-
Cộng	11.977.414.612	3.702.896.027

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	73.350.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	73.350.000.000	-
Dài hạn	30.000.000.000	-
Trái phiếu (300.000 trái phiếu của Vietcombank kỳ hạn đến 18/11/2031)	30.000.000.000	-
Cộng	103.350.000.000	-

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vĩnh Thành	3.082.122.079	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Việt Hương – Chi nhánh Vĩnh Long	1.341.453.858	512.493.723
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hiệp Phúc Đức	2.420.800.347	4.056.650.161
Công ty TNHH MTV Nam Hưng Meko Mart	2.934.737.510	899.056.834
Công ty TNHH MTV SX & TM Bành Phông Tôm Khô Nguyễn - NPP Đông Nguyên Gia Lai	2.762.861.117	1.469.937.095
Công ty TNHH Song Anh Nguyễn	-	5.227.907.661
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập Khẩu Âu Lạc Việt Nam	-	8.548.074.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đức Anh Phát	10.825.544.258	28.950.499.788
Công ty TNHH Một Thành Viên Vĩnh Nhung	2.961.530.757	991.448.960
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tuyết Nam - NPP An Giang	2.944.324.085	-
Các đối tượng khác	91.784.785.250	35.119.129.531
Cộng	121.057.959.261	86.085.198.571

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật Hoàng Anh Việt	7.568.215.642	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HL Sài Gòn	8.162.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia An Phát	6.000.000.000	-
Nguyễn Văn Ut	36.000.000.000	-
Đỗ Bội Ngọc	18.500.000.000	-
Lý Thị Ngọc Mai	18.500.000.000	-
Các đối tượng khác	613.520.255	550.517.658
Cộng	93.344.235.797	550.517.658

5. Phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.328.116.307	3.263.469.204
Lã tiền gửi dự thu	1.328.116.307	-
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	-	3.263.469.204
b) Dài hạn	11.598.767.774	8.573.932.669
Ký quỹ thuế tài chính	6.200.970.684	4.723.749.463
Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	3.729.796.890	2.835.183.206
Ký quỹ, ký cược dài hạn (thuế kho)	1.668.000.000	1.014.000.000
Cộng	12.926.884.081	11.837.401.873

15

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Hàng mua đang đi đường	29.352.302.360	-	14.256.000.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	170.832.002.439	-	95.372.189.484	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.063.648.484	-	1.975.947.275	-
Tàn phẩm	181.560.090.052	-	146.635.645.534	-
Cộng	383.808.043.335	-	259.239.782.593	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.083.332.956	2.156.017.637
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	420.565.593	429.101.382
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.662.767.363	1.726.916.255
b) Dài hạn	3.906.999.013	3.738.146.660
Chi phí bảo hiểm chờ kết chuyển	221.767.457	152.244.553
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.681.173.805	2.157.778.333
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.004.057.751	1.428.123.774
Cộng	5.990.331.969	5.894.164.297

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

§. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Đơn vị tính: VND	
				31/12/2021	01/01/2021
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.502.323.677	46.339.691.302	12.121.046.691	83.963.063.670	
Số tăng trong năm	-	36.432.198.759	160.000.000	35.592.198.759	
- Mua trong năm	-	25.927.343.077	160.000.000	26.087.343.077	
- Tàng từ tài sản thuộc tài chính	-	9.504.855.682	-	9.504.855.682	
Số giảm trong năm	-	11.660.454.545	2.448.731.479	14.109.185.024	
- Thanh lý, nhượng bán	-	11.660.454.545	2.448.731.479	14.109.185.024	
Số dư cuối năm	25.502.323.677	70.111.435.516	9.832.317.212	105.446.076.405	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	295.480.000	24.805.135.698	9.650.182.001	34.960.797.699	
Số tăng trong năm	2.761.959.871	10.299.045.829	1.075.022.089	19.136.627.789	
- Khấu hao tăng trong năm	2.761.959.871	7.818.277.600	1.075.022.089	11.655.259.620	
- Tàng từ tài sản thuộc tài chính	-	6.425.744.896	-	6.425.744.896	
- Phân loại lại	-	1.055.023.203	-	1.055.023.203	
Số giảm trong năm	-	1.035.665.642	3.413.521.405	4.449.188.050	
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.035.665.642	2.357.858.125	3.393.564.767	
- Phân loại lại	-	-	1.055.623.283	1.055.623.283	
Số dư cuối năm	3.057.439.871	39.069.114.885	7.521.682.602	49.646.237.438	
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	25.206.843.677	21.534.555.604	2.260.864.690	45.002.265.971	
Tại ngày cuối năm	22.444.883.806	31.042.320.631	2.310.634.530	55.797.838.967	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	50.134.662.212	2.022.303.637	52.156.965.849
Số tăng trong năm	32.987.588.545	1.460.483.418	34.448.071.963
Số giảm trong năm	9.504.855.682	-	9.504.855.682
Số dư cuối năm	73.617.395.075	3.482.787.055	77.100.182.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.860.876.378	704.361.055	11.565.237.433
Số tăng trong năm	11.679.852.355	390.772.470	12.070.624.826
- Khấu hao tăng trong năm	11.326.797.625	390.772.470	11.717.570.095
- Phân loại lại	353.054.531	-	353.054.531
Số giảm trong năm	6.425.744.886	353.054.531	6.778.799.417
- Chuyển tài sản cố định	6.425.744.886	-	6.425.744.886
- Phân loại lại	-	353.054.531	353.054.531
Số dư cuối năm	16.114.983.848	742.078.994	16.857.062.842
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	39.273.785.834	1.317.942.582	40.591.728.416
Tại ngày cuối năm	57.502.411.227	2.740.708.061	60.243.119.288

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	32.400.000.000	
Mua trong năm	-	
Số giảm trong năm	-	
Số dư cuối năm	32.400.000.000	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	670.886.076	
Khấu hao tăng trong năm	670.886.076	
Số giảm trong năm	-	
Số dư cuối năm	1.341.772.152	
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	31.729.113.924	
Tại ngày cuối năm	31.058.227.848	
	31/12/2021	01/01/2021
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	31.058.227.848	31.729.113.924

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BNL	5 101 404 000	5 101 404 000	8 695 580 051	8 695 580 051
Công ty Cổ phần Nhựa Opec	23 384 604 061	23 384 604 061	18 140 614 892	18 140 614 892
CN PP Nguyên liệu Công nghiệp Dầu Khí - Công ty CP TMDV Dầu Khí Miền Trung	3 168 900 000	3 168 900 000	1 262 250 000	1 262 250 000
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn	1 252 698 914	1 252 698 914	1 933 034 233	1 933 034 233
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Địa Ốc Hồng Phúc	4 515 692 481	4 515 692 481	3 272 857 129	3 272 857 129
Công ty TNHH Vạn Liên Hòa	2 946 262 501	2 946 262 501	2 370 262 501	2 370 262 501
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Chailease	1 585 346 515	1 585 346 515	1 771 748 277	1 771 748 277
Công ty TNHH Bao Bỉ Tấn Phong	-	-	1 496 974 916	1 496 974 916
Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	537 004 470	537 004 470	1 637 004 470	1 637 004 470
Công ty Cổ phần Phước Đạt	-	-	5 800 000 000	5 800 000 000
Công ty TNHH SX TM XNK Tiến Thành	47 136 203 559	47 136 203 559	6 329 100 020	6 329 100 020
Công ty TNHH MTV TM XNK Đại Nhất Long	40 265 587 430	40 265 587 430	10 956 850 020	10 956 850 020
Công ty Cổ phần SX và TM Hàng Tiêu Dung Việt Thành	16 281 119 425	16 281 119 425	-	-
Các đối tượng khác	11 538 507 172	11 538 507 172	9 561 030 097	9 561 030 097
Cộng	157.713.330.528	157.713.330.528	73.197.306.606	73.197.306.606

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2021
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2 450 605 878	2 450 605 878	-
Thuế nhập khẩu	-	78 996 215	78 996 215	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2 936 795 240	5 672 605 270	2 915 472 230	5 693 928 280
Thuế thu nhập cá nhân	81 418 563	1 056 010 731	1 117 939 122	19 490 172
Các loại thuế khác	-	5 000 000	5 000 000	-
Cộng	3.018.213.803	9.263.218.094	6.568.013.445	5.713.418.452

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	655.653.451	531.916.866
Bảo hiểm xã hội	2.488.595.767	2.192.339.988
Cộng	3.154.249.238	2.724.256.852

14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện của giao dịch bán và thuê lại TSCĐ thuế tài chính	2.257.183.694	3.127.698.866
Cộng	2.257.183.694	3.127.698.866



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Gia trị	Số cơ khả năng trả nợ	Tang	Giam	Gia trị	Số cơ khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	429.702.980.206	429.702.980.206	921.465.084.437	746.064.699.955	254.202.595.734	254.202.595.734
- Vay ngắn hạn (*)	410.539.398.999	410.539.398.999	888.893.283.437	729.822.183.402	241.468.298.964	241.468.298.964
* Ngân hàng TMCP An Bình (a1)	12.870.184.570	12.870.184.570	30.253.007.500	34.375.277.148	16.992.434.218	16.992.434.218
* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (a2)	4.800.000.000	4.800.000.000	14.148.000.000	14.148.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
* Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (a3)	159.655.000.000	159.655.000.000	400.125.555.951	400.327.156.951	169.865.500.000	169.865.500.000
* Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (a4)	38.027.696.000	38.027.696.000	86.007.596.000	72.512.361.585	24.632.361.585	24.632.361.585
* Ngân hàng TMCP Quân Đội (a5)	63.201.992.620	63.201.992.620	142.847.539.620	102.823.550.161	23.178.000.161	23.178.000.161
* Ngân hàng TMCP Tiên Phong (a6)	2.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
* Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a7)	119.974.645.809	119.974.645.809	221.510.383.366	101.535.837.557	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	19.163.581.207	19.163.581.207	22.571.801.000	16.242.616.563	12.834.296.770	12.834.296.770
* Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (b1)	1.166.200.000	1.166.200.000	1.166.200.000	-	-	-
* Ngân hàng TMCP An Bình (b2)	180.195.200	180.195.200	190.195.200	-	-	-
* Ngân hàng TMCP Quân đội (b3)	1.439.280.000	1.439.280.000	1.439.280.000	-	-	-
* Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chaillease (b4)	6.436.482.972	8.435.482.972	10.090.804.271	9.651.364.273	7.997.042.974	7.997.042.974
* Công ty BIDV - Sumi Trust (b5)	7.931.423.035	7.931.423.035	9.685.321.529	6.591.152.250	4.837.253.796	4.837.253.796



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Giá trị	
b) Dài hạn (**)	42.123.845.791	42.123.845.791	57.315.518.160	38.602.156.253	38.602.156.253
Vay dài hạn ngân hàng	17.415.578.300	17.415.578.300	19.431.030.000	23.016.808.700	23.016.808.700
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (B1)	104.974.100	104.974.100	-	2.437.374.100	2.437.374.100
- Ngân hàng TMCP An Bình (B2)	398.314.200	398.314.200	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội (B3)	16.912.290.000	16.912.290.000	19.431.030.000	20.579.434.600	20.579.434.600
Nợ thuế tài chính	24.708.267.491	24.708.267.491	37.884.488.160	15.585.347.553	15.585.347.553
- Công ty TNHH Cho Thuế Tài Chính Quốc Tế Chaisease (B4)	8.722.763.917	8.722.763.917	12.488.535.760	9.295.608.247	9.295.608.247
- Công ty BIDV - Sumi Trust (B5)	15.985.503.574	15.985.503.574	25.395.952.400	6.289.739.306	6.289.739.306
Cộng	471.826.825.997	471.826.825.997	978.786.602.597	799.856.528.587	292.904.751.987

c) Vay và nợ thuế tài chính qua hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính qua hạn chưa thanh toán

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cấp hạn mức số 22/05/21/TĐN.5 ngày 28/05/2021, hạn mức tín dụng vay là 17.200.000.000 VND. Thời hạn vay từ đã 6 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp số 18/01/19/TC/1.5 ngày 16/7/2019. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng Cam có thể chấp số SD/ES.01-18/10/19/BL/1.5 ngày 27/05/2020 và các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác và tài sản cá nhân khác. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và thanh toán tiền điện.

(a2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGD/2/1029 ngày 18/03/2021, với hạn mức là 4.800.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng bảo đảm số EGD/2/1030 và EGD/2/1031 ngày 18/03/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2021/6609334/HĐTD ngày 23/03/2021 với hạn mức 250.000.000.000 VND. Thời hạn vay không quá 12 tháng và lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ.

(a4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 35730/20MN/HĐTD ngày 03/11/2020 với hạn mức tín dụng vay là 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của công ty và bên thứ ba. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(a5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Sài Gòn theo Hợp đồng số 10253.21.112.5246922 TD ngày 02/03/2021 với hạn mức tín dụng 1 là 35.000.000.000 VND nếu doanh nghiệp có nhu cầu vượt mức tín dụng 1 có thể gửi yêu cầu cho Ngân hàng để áp dụng hạn mức tín dụng 2 là 70.000.000.000 VND. Thời hạn vay không quá 6 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản và tài sản của bên thứ ba. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(a6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 78/2020/HĐTD/TKD/PNV/01 ngày 12/01/2021 với hạn mức tín dụng vay 2.000.000.000 VND thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

(a7) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 08/2021- HĐCVHMNHCT944- VIETTHANH ký ngày 21/05/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 08/2021-HĐCV-SĐBS01/NHCT944-VIETTHANH ký ngày 01/07/2021 với hạn mức cho vay tối đa là 120.000.000.000 VND. Thời hạn vay không quá 6 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn

(b1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo các hợp đồng vay sau

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo hợp đồng số 02/2018/6609334/HĐTD ngày 05/02/2018 với số tiền vay 5.000.000.000 VND. Thời hạn vay 4 năm và lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11% sau đó sẽ bằng lãi suất tiết kiệm khách hàng cả nhân 24 tháng + 4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản. Mục đích vay đầu tư máy móc thiết bị.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo hợp đồng số 04/2018/6609334/HĐTD ngày 24/12/2018 với số tiền vay 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay 4 năm và lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,3% sau đó sẽ bằng lãi suất tiết kiệm khách hàng cả nhân 24 tháng + 5,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản. Mục đích vay đầu tư máy móc thiết bị.

- Số dư tại ngày 31/12/2021 là 1.271.174.100 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.165.200.000 đồng)

(b2) Chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cấp hạn mức số 136/19/TD/1.5 ngày 24/12/2019 với số tiền vay là 593.000.000 VND. Thời hạn vay 60 tháng và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 136/19/TC/1.5 ngày 24/12/2019. Mục đích vay mua xe phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Vay ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số 18/20/TĐ/1.5 ngày 4/2020 số tiền vay 950.000.000 VNĐ. Thời hạn vay 60 tháng từ ngày giải ngân và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 18/20/TC/1.5. Mục đích vay để mua xe phục vụ sản xuất kinh doanh.

Số dư tại ngày 31/12/2021 là 588.509.400 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 190.195.200 đồng).

(b3) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số 10217.21.112.5246922 TD ngày 01/03/2021 với số tiền cho vay là 19.672.410.000 VNĐ, thời hạn vay tối đa 163 tháng. Lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản và bất động sản. Mục đích vốn vay để tài trợ khoản vay tại ABBank để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và Nhà xưởng, văn phòng tại thửa đất số 1261, tờ bản đồ 2, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 18.351.570.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.439.280.000 đồng).

+ Chi tiết các khoản thuế tài chính:

(b4) Chi tiết số dư thuế tài chính của Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chatease để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuế	Thời hạn thuế	Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021		
		Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
C191108805	36 tháng	1.943.869.154	-	1.943.869.154
D190306402	42 tháng	407.212.494	-	407.212.494
D190322905	42 tháng	1.165.210.716	97.100.883	1.262.311.599
C200837002	48 tháng	1.455.537.600	1.576.832.400	3.032.370.000
C200839205	48 tháng	426.390.000	497.455.000	923.845.000
C201004502	48 tháng	792.000.000	924.000.000	1.716.000.000
C210506502	48 tháng	350.000.004	845.833.327	1.195.833.331
C210542602	48 tháng	245.000.004	612.499.994	857.499.998
C210513802	48 tháng	844.374.996	2.040.572.923	2.884.947.919
C210561902	48 tháng	465.500.004	1.163.749.994	1.629.249.998
B210603001	48 tháng	341.388.000	964.719.396	1.306.107.396
Cộng		8.436.482.972	8.722.763.917	17.159.246.889

(b5) Thuế tài chính của Công ty BIDV - Sumi Trust để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuế	Thời hạn thuế	Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021		
		Dưới 1 năm VNĐ	Trên 1 năm VNĐ	Cộng VNĐ
21819000106	36 tháng	305.861.149	-	305.861.149
21819000110	36 tháng	169.600.012	-	169.600.012
21819000330	36 tháng	436.333.332	-	436.333.332
21820000048	36 tháng	475.200.000	118.800.000	594.000.000
21820000063	36 tháng	1.882.242.444	941.121.227	2.823.363.671
21820000067	36 tháng	83.583.504	34.826.448	118.409.952
21820000076	36 tháng	153.384.000	76.692.000	230.076.000
21820000161	36 tháng	846.310.536	775.784.650	1.622.095.186
21820000207	36 tháng	842.254.332	912.442.197	1.754.696.529
21821000250	60 tháng	95.716.526	2.632.204.448	2.727.920.974
21821000287	60 tháng	420.697.200	1.612.672.600	2.033.369.800
21821000285	60 tháng	1.673.410.200	6.693.640.800	8.367.051.000
21821000286	60 tháng	546.829.800	2.187.319.204	2.734.149.004
Cộng		7.931.423.035	15.985.503.574	23.916.926.609

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	61.000.000.000	-	1.645.507.026	62.645.507.026
Tăng vốn trong năm trước	39.000.000.000	-	-	39.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	13.141.081.529	13.141.081.529
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	-	14.786.588.555	114.786.588.555
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	-	14.786.588.555	114.786.588.555
Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	5.193.058.895	-	105.193.058.895
Lãi trong năm nay	-	-	22.223.981.973	22.223.981.973
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	5.193.058.895	37.010.570.528	242.203.629.423

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	%	01/01/2021 VND	%
Ông Nguyễn Văn Tuấn	51.009.000.000	25,50	37.500.000.000	37,50
Ông Phan Văn Quân	37.000.000.000	18,50	30.000.000.000	30,00
Ông Khâu Văn Thịnh	340.000.000	0,17	8.000.000.000	8,00
Các đối tượng khác	111.651.000.000	55,83	24.500.000.000	24,50
Cộng	200.000.000.000	100	100.000.000.000	100

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	61.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	100.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	1.088.361.010.089	526.120.551.052
Cộng	1.088.361.010.089	526.120.551.052

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.004.557.212.313	460.227.702.624
Cộng	1.004.557.212.313	460.227.702.624

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 Đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.355.241.132	4.098.068
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	7.997.407
Cộng	1.355.241.132	12.095.475

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.883.300.839	23.118.615.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá	201.689.349	86.196.250
Cộng	29.084.990.188	23.204.811.286

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng	16.257.036.877	19.174.990.452
Chi phí nhân viên	7.499.809.957	9.991.397.589
Chi phí khấu hao	1.462.187.297	1.636.514.754
Chi phí bán hàng khác	7.295.039.623	7.547.078.109
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.552.431.656	6.875.456.116
Chi phí nhân viên quản lý	6.617.376.678	5.162.032.659
Chi phí khấu hao	722.673.233	51.600.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.212.381.745	1.661.823.457

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	118.257.555	279.090.909
Thu nhập khác	20.000.037	2.535.482
Cộng	138.257.592	281.627.391

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	212.181.252	3.796.361
Chi phí khác	294.089.284	549.640.310
Cộng	506.250.536	553.436.671

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
 107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ,
 Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.896.587.243	16.377.876.769
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	466.439.106	(193.900.569)
- Các khoản điều chỉnh tăng	466.439.106	1.411.554.265
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.605.454.834
+ Chuyển lỗ của các năm trước	-	1.605.454.834
Lợi nhuận tính thuế	28.363.026.349	16.183.976.200
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.672.605.270	3.236.795.240

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.223.981.973	13.141.081.529
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.223.981.973	13.141.081.529
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.989.953	6.954.263
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.390	1.890

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	928.520.832.211	465.195.918.651
Chi phí nhân công	23.865.991.113	25.954.415.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.043.715.991	16.469.115.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.733.973.660	16.408.331.373
Chi phí khác bằng tiền	2.788.738.574	1.397.327.488
Cộng	992.953.251.549	525.425.108.136



CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2021 là 1.570.443.000 đồng (năm 2020 là 2.022.000.000 đồng). Cụ thể như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Văn Quân	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Khâu Văn Thịnh	Thành viên (đến ngày 15/04/2021)	-	30.000.000
Ông Phan Hùng Cường	Thành viên (từ ngày 15/04/2021)	30.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên (từ ngày 15/04/2021)	-	-
Ông Hoàng Đỗ Nguyên Thăng	Thành viên (từ ngày 15/04/2021)	-	-
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Trọng Huy	Trưởng BKS (từ ngày 15/04/2021)	-	-
Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên BKS (từ ngày 15/04/2021)	20.000.000	-
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên BKS (từ ngày 15/04/2021)	-	-
Ban Tổng giám đốc			
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
Ông Phan Văn Quân	Tổng Giám đốc	330.000.000	865.500.000
Ông Nguyễn Trung Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/04/2021)	289.569.600	-
Ông Hồ Văn Quyển	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/04/2021)	145.883.800	-
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
		664.989.600	1.036.500.000
	Cộng	1.570.443.000	2.022.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tân 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán các loại sản phẩm nhựa, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 công như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty sẽ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	587.416.310.734	42.123.845.791	629.540.156.525
Vay và nợ thuê tài chính	429.702.980.206	42.123.845.791	471.826.825.997
Phải trả cho người bán	157.713.330.528	-	157.713.330.528
Số đầu năm	327.499.902.340	38.602.156.253	366.102.058.593
Vay và nợ thuê tài chính	254.302.595.734	38.602.156.253	292.904.751.987
Phải trả cho người bán	73.197.306.606	-	73.197.306.606

30

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH
107 đường 2A, Khu 5, Ấp Bình Tá 1, Xã Đức Hòa Hạ,
Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

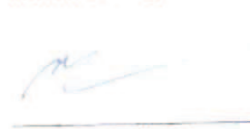
Người lập biểu



Lương Thanh Hoàng

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Yến Nga



Tổng Giám đốc

Phan Văn Quân

Long An, ngày 24 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN VĂN QUÂN

